

**KẾ HOẠCH
Triển khai Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất
giống vật nuôi đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CN ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Thực hiện Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Đề án) thực hiện Chiến lược Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Triển khai có hiệu quả Đề án đạt mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến năm 2030 nước ta chủ động sản xuất được nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm, đáp ứng tối thiểu 90% nhu cầu giống lợn, 80% nhu cầu giống gà, 100% nhu cầu giống vịt, 70% nhu cầu giống bò thịt.

2. Xác định rõ các nhiệm vụ, nội dung công việc, thời hạn, sản phẩm dự kiến đạt được, gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai Đề án; đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động công nghiệp sản xuất giống vật nuôi.

3. Đảm bảo chủ động trong triển khai Đề án; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trực thuộc Bộ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo lộ trình để đạt được mục tiêu đề ra.

4. Kịp thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án vào các chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động có liên quan tại các đơn vị thuộc Bộ, địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

Nhiệm vụ thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030 chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Cục Chăn nuôi là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ, các Bộ ngành có liên quan và địa phương. Tổ chức theo dõi, đôn

độc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch; báo cáo và tham mưu Lãnh đạo Bộ xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này, xây dựng kế hoạch cụ thể; chủ động rà soát nhiệm vụ và kinh phí triển khai trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

3. Giao Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính căn cứ vào đề xuất của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định để triển khai hiệu quả Đề án.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; chủ động lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có liên quan tại địa phương; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

5. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Chăn nuôi) về tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả triển khai, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục
NỘI DUNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN
THUỘC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT GIỐNG VẬT NUÔI ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
1	Tổ chức phổ biến nội dung, kế hoạch triển khai, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai đề án.	Phổ biến, hướng dẫn triển khai các nội dung, kế hoạch, kết quả triển khai, sơ kết, tổng kết kết quả triển khai các dự án thuộc đề án	Cục Chăn nuôi	Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; các Bộ, ngành, cơ quan quản lý địa phương.	Báo cáo tình hình triển khai, kết quả triển khai các dự án thuộc Đề án.	10	2025-2030
2	Tổng điều tra xây dựng bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa để khai thác và phát triển theo lợi thế, đặc trưng vùng miền.	Đánh giá thực trạng sản xuất, sử dụng giống vật nuôi bản địa; phục tráng nguồn gen bản địa, xây dựng bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT - Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Báo cáo về thực trạng sản xuất, sử dụng giống vật nuôi bản địa. - Báo cáo tổng hợp về các cơ chế chính sách liên quan đến chăn nuôi giống vật nuôi bản địa theo chuỗi giá trị gắn với đặc trưng vùng miền. - Đề xuất chính sách, giải pháp sử dụng giống bản địa trong công nghiệp sản xuất giống vật nuôi. - Bản đồ ngân hàng giống vật nuôi bản địa. - Hệ thống các cơ sở sản xuất giống vật nuôi được gắn mã định	70	2025-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
					danh quốc gia bằng công nghệ thông tin.		
2.1	Điều tra thực trạng chăn nuôi giống gia cầm bản địa	Đánh giá thực trạng sản xuất, sử dụng giống gia cầm bản địa theo chuỗi giá trị gắn với đặc trưng vùng miền	Cục Chăn nuôi	- Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Báo cáo về thực trạng sản xuất, sử dụng giống gia cầm bản địa; - Báo cáo tổng hợp về các cơ chế chính sách liên quan đến chăn nuôi gia cầm bản địa theo chuỗi giá trị gắn với đặc trưng vùng miền. - Đề xuất chính sách, giải pháp sử dụng giống bản địa trong công nghiệp sản xuất giống gia cầm. - Bản đồ ngân hàng giống gia cầm bản địa.	05	2025-2026
2.2	Điều tra thực trạng chăn nuôi giống gia súc bản địa	Đánh giá thực trạng sản xuất, sử dụng giống gia súc bản địa theo chuỗi giá trị gắn với đặc trưng vùng miền	Cục Chăn nuôi	- Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Báo cáo về thực trạng sản xuất, sử dụng giống gia súc bản địa; - Báo cáo tổng hợp về các cơ chế chính sách liên quan đến chăn nuôi giống gia súc bản địa theo chuỗi giá trị gắn với đặc trưng vùng miền. - Đề xuất chính sách, giải pháp sử dụng giống bản địa trong công nghiệp sản xuất giống gia súc. - Bản đồ ngân hàng giống gia súc bản địa.	05	2026-2027

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
2.3	<i>Phục tráng, nuôi giữ giống vật nuôi bản địa để khai thác và phát triển</i>	<i>Phục tráng, nuôi giữ giống lợn Móng cái, gà, vịt và ngan bản địa</i>	<i>Viện Chăn nuôi</i>	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường; cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Báo cáo kết quả phục tráng, nuôi giữ giống vật nuôi bản địa. - Đề xuất phương án khai thác và phát triển trong sản xuất	50	2026-2030
2.4	<i>Xây dựng mã định danh quốc gia cho các cơ sở sản xuất giống và quản lý giống bằng công nghệ thông tin</i>	<i>Xây dựng được mã định danh quốc gia áp dụng cho các cơ sở sản xuất giống; hệ thống quản lý giống áp dụng công nghệ thông tin</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường; cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	<i>Hệ thống áp dụng toàn quốc</i>	10	2026-2030
3	Xây dựng và phát triển hệ thống giống bò thịt	- Chọn lọc, nhân thuần các giống bò Zebu làm cái nền. - Xây dựng và phát triển hệ thống giống bò thịt từ 75% máu ngoại trở lên và quản lý theo hệ thống sản xuất (hạt nhân mở, sản xuất và thương phẩm).	Cục Chăn nuôi	- Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Xây dựng được hệ thống giống bò thịt có tỷ lệ từ 75% máu ngoại trở lên. - Quản lý giống theo hệ thống sản xuất (hạt nhân mở, sản xuất và thương phẩm). - Quản lý giống bằng công nghệ thông tin.	300	2026-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
3.1	Điều tra khảo sát cơ cấu giống giống bò thịt theo hệ thống sản xuất	Đánh giá được số lượng, cơ cấu giống bò thịt theo hệ thống sản xuất	Cục Chăn nuôi	Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Số liệu thống kê về số lượng, cơ cấu giống bò thịt theo hệ thống sản xuất. - Báo cáo đánh giá thực trạng hệ thống sản xuất bò thịt	05	2026-2027
3.2	Lai tạo các dòng, giống bò thịt phù hợp với vùng sinh thái	Chọc lọc và lai tạo được các dòng, giống bò thịt phù hợp với vùng sinh thái. Lai tạo theo 3 nhóm sản phẩm thịt bò định hướng: bò thịt bản địa, bò thịt năng suất cao, bò thịt chất lượng cao.	Cục Chăn nuôi	Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	Các dòng, giống bò thịt phù hợp với vùng sinh thái	290	2026-2030
3.3	Xây dựng thương hiệu bò thịt Việt Nam	Xây dựng thương hiệu giống bò thịt thích nghi tốt với điều kiện ở Việt Nam	Cục Chăn nuôi	Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	Thương hiệu bò thịt Việt Nam	05	2028-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
4	Kiểm tra năng suất, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi	- Xây dựng các quy trình khảo nghiệm kiểm định giống vật nuôi; quy trình kiểm tra năng suất cá thể đực giống; - Xây dựng 02 cơ sở khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Quy trình khảo kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi; quy trình kiểm tra năng suất cá thể đực giống; - 02 cơ sở phục vụ khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.	150	2025-2030
4.1	<i>Xây dựng và hoàn thiện các quy trình khảo nghiệm kiểm định giống vật nuôi; quy trình kiểm tra năng suất (đực giống)</i>	<i>Xây dựng, hoàn thiện các quy trình về khảo kiểm nghiệm, kiểm định giống, kiểm tra năng suất (đực giống)</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	- Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Bộ quy trình về khảo kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi; - Bộ quy trình về kiểm tra năng suất (đực giống).	02	2025-2026
4.2	<i>Xây dựng 02 cơ sở phục vụ khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi</i>	<i>Đầu tư, xây dựng 02 cơ sở khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi tại miền Bắc và miền Nam</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi.	- 01 cơ sở phục vụ khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi tại miền Bắc - 01 cơ sở phục vụ khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi tại miền Nam	148	2026-2030
5	Nâng cao năng	Xây dựng được 06 cơ	Cục	- Các đơn vị thuộc	06 cơ sở sản xuất giống vật nuôi	600	2026-

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
	lực sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp	sở sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp (03 cơ sở giống lợn và 03 cơ sở giống gia cầm) đủ điều kiện để tổ chức chọn lọc, nhân và sản xuất giống đồng bộ.	Chăn nuôi	Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi; - Đơn vị tư vấn công nghệ tin học.	đủ điều kiện để tổ chức chọn lọc, nhân và sản xuất giống đồng bộ, áp dụng phần mềm quản lý giống, thực hiện đánh giá chất lượng giống (BLUP) và chia sẻ nguồn gen khi cần thiết		2030
5.1	<i>Đầu tư xây dựng 03 cơ sở sản xuất giống lợn quy mô công nghiệp</i>	<i>Xây dựng 03 cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp, nhân và sản xuất giống đồng bộ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chọn lọc giống</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	<i>- Cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.</i>	- 01 cơ sở tại miền Bắc quy mô 1.500-2.000 lợn nái cụ kỵ; - 01 cơ sở tại miền Trung quy mô 500-1.000 lợn nái cụ kỵ; - 01 cơ sở tại miền Nam quy mô 1.500-2.000 lợn nái cụ kỵ.	250	2026-2030
5.2	<i>Đầu tư xây dựng 03 cơ sở sản xuất giống gia cầm quy mô công nghiệp</i>	<i>Xây dựng 03 cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp có tổng đàn 1.000-2.000 con dòng thuần và 5.000-10.000 con gà ông bà, nhân và sản xuất giống đồng bộ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chọn lọc giống</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	<i>- Cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.</i>	- 01 cơ sở sản xuất giống gà quy mô 1.000 con gà thuần và 5.000 con gà ông bà; - 01 cơ sở sản xuất giống ngan quy mô 500 con ngan thuần và 2.500 con ngan ông bà; - 01 cơ sở sản xuất giống vịt quy mô 500 con vịt thuần và 2.500 con vịt ông bà.	250	2026-2030
5.3	<i>Xây dựng hệ thống quản lý</i>	<i>Xây dựng được phần mềm quản lý, hệ thống</i>	<i>Cục Chăn</i>	<i>- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và</i>	<i>Phần mềm quản lý giống, đánh giá chất lượng giống theo BLUP</i>	100	2026-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
	<i>giống, đánh giá chất lượng, chọn giống bằng phương pháp BLUP</i>	<i>đánh giá chất lượng giống</i>	<i>nuôi</i>	<i>PTNT, - Cơ quan quản lý địa phương; - Cơ sở giống vật nuôi; - Đơn vị tư vấn công nghệ tin học.</i>			
6	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi	- Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý giống từ trung ương đến địa phương - Xây dựng được 03 trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi cho 3 miền - Xây dựng được sàn đấu giá đực giống vật nuôi	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường và cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Các doanh nghiệp và hiệp hội.	- 1.000 lượt cán bộ, kỹ thuật viên được đào tạo; - 03 Trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi tại 3 miền Bắc, Trung và Nam; - 01 sàn đấu giá đực giống vật nuôi.	450	2025-2030
6.1	Đào tạo cán bộ quản lý giống vật nuôi	<i>Đào tạo, bồi dưỡng các quy định quản lý, nghiệp vụ đối với công tác giống, quản lý giống</i>	Cục Chăn nuôi	- Các viện, trường, cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Doanh nghiệp, cơ	<i>1.000 lượt cán bộ, kỹ thuật viên được đào tạo</i>	20	2025-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
				<i>sở giống vật nuôi.</i>			
6.2	Xây dựng 03 Trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi (3 miền)	Đầu tư, xây dựng trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi (đực giống) đồng bộ, hiện đại	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Các doanh nghiệp và hiệp hội.	03 Trung tâm kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi tại 3 miền Bắc, Trung và Nam	300	2026-2030
6.3	Xây dựng được sàn đấu giá đực giống vật nuôi	Đầu tư xây dựng sàn đấu giá đực giống vật nuôi gồm khu đấu giá, khu nuôi, khu chờ xuất bán, hệ thống đường dẫn đực giống	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Cơ quan quản lý địa phương; - Trung tâm Khảo kiểm nghiệm và kiểm định chăn nuôi; - Các doanh nghiệp và hiệp hội.	01 sàn đấu giá đực giống vật nuôi	130	2026-2030
7	Nâng cao năng lực nuôi giữ giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, an	- Xây dựng được 03 trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các cơ sở nuôi giữ giống gốc vật nuôi.	- 03 trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi; - 12 đơn vị nuôi giữ giống gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT được nâng cấp, hiện đại hoá.	300	2026-2030

TT	Tên chương trình/dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Thời gian
	toàn sinh học	- Nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất của 12 đơn vị nuôi giữ giống gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT					
7.1	<i>Xây dựng 03 trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học</i>	<i>Xây dựng trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi khu vực miền Bắc, Trung và Nam</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	<i>- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường; - Các cơ sở nuôi giữ giống gốc vật nuôi.</i>	<i>- 01 Trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi khu vực miền Bắc; - 01 Trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi khu vực miền Trung; - 01 Trung tâm quốc gia nuôi giữ giống vật nuôi khu vực miền Nam.</i>	210	2026-2030
7.2	<i>Nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất của 12 đơn vị nuôi giữ giống gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>Nâng cấp cho 12 đơn vị nuôi giữ giống gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>Cục Chăn nuôi</i>	<i>- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Các viện, trường; - Các cơ sở nuôi giữ giống gốc vật nuôi.</i>	<i>12 đơn vị nuôi giữ giống gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT được nâng cấp, hiện đại hoá</i>	90	2026-2030
8	Tăng cường năng lực sản xuất giống vật nuôi tại chỗ cho mỗi vùng miền của Việt Nam	Đầu tư xây dựng cơ sở nhân giống gia cầm tại 6 tỉnh biên giới phía Bắc; nhân giống gia súc tại Tây Nguyên; nhân giống lợn tại vùng Tây Nam Bộ	Cục Chăn nuôi	- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Cơ quan quản lý địa phương; - Doanh nghiệp, cơ sở giống vật nuôi.	- Từ 3-5 cơ sở nhân giống gia cầm cấp bố mẹ - 03 cơ sở nhân giống bò, dê - 01 cơ sở nhân giống lợn	420	2026-2030